

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2025/DSST

Ngày 29 - 9- 2025

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hoá”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phùng Văn Thức
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Tha

2. Bà Nguyễn Thị Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Thuý Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Nguyễn Thị Mộng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa, tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2025, về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Thái Thượng T - sinh năm: 1975; Trú tại: 222 Trần Quý C, TDP 8, Phường Ninh H, Khánh H. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn M, sinh năm 1961;

Nguyễn Thị X- sinh năm 1966;

Cùng trú tại: Tổ dân phố Hà Th 1, phường Ninh H, Khánh H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn; Các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Thái Thượng T trình bày:*

Vào tháng 8/2017, tôi có bán thức ăn nuôi vịt cho vợ chồng ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị X. Trong quá trình mua bán thức ăn nuôi vịt thì vợ chồng ông M, bà X còn nợ lại số tiền 933.686.000đ, sau đó ông M, bà X có hẹn đến ngày 05/3/2025 sẽ trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay tôi yêu cầu ông M, bà X trả một lần số tiền 933.686.000đ, không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn trình bày:* Vợ chồng tôi thừa nhận còn nợ tiền thức ăn nuôi vịt của ông Thái Thượng T số tiền 933.686.000đ. Vì hoàn cảnh làm ăn khó khăn nên vợ

chồng tôi xin trả dần một tháng 3.000.000đ. Đồng thời chúng tôi cũng sẽ bán nhà để trả nợ hết một lần.

Tại phiên toà, ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị X cũng thừa nhận còn nợ ông Thái Thượng T số tiền 933.686.000đ và xin trả dần chứ không đồng ý trả một lần số tiền như ông T khởi kiện yêu cầu.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn có nộp 01 (một) giấy hẹn trả nợ (bản chính) có ghi rõ ngày, tháng, năm ông T, bà X đã ký và nội dung hứa sẽ trả hết số tiền nợ 933.686.000đ đến ngày 05/3/2025.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Khánh Hòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên toà vì chưa làm rõ đơn trình bày của Nguyễn Thị Ngọc B ghi ngày 17/9/2025 nộp cho toà án (vợ nguyên đơn) chưa được thu thập theo đúng trình tự tố tụng vì liên quan đến tài sản chung của vợ chồng nguyên đơn. Và không phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Thái Thượng T khởi kiện bị đơn ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị X có nơi cư trú tại phường Ninh H, tỉnh Khánh H; căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Khánh Hoà.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Ông Thái Thượng T khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn M, Nguyễn Thị X trả số tiền còn nợ khi mua bán thức ăn nuôi vịt nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*”.

[1.3] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên toà theo Điều 259 của Bộ luật tố tụng dân sự để xác minh, thu thập thêm tài liệu chứng cứ liên quan đến lời khai của vợ nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc B để xác định số tiền nợ trên có phải là tài sản chung hay tài sản riêng của hai vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân hay không?. Hội đồng xét xử xét thấy, việc đương sự cung cấp bản trình bày, nộp tài liệu chứng cứ cho Toà án để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình là tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật. Tại phiên toà, nguyên đơn khai số tiền còn nợ của các bị đơn là số tài sản riêng của nguyên đơn

dùng để xoay vốn kinh doanh, buôn bán làm ăn không liên quan đến bà Nguyễn Thị Ngọc B phù hợp với đơn trình bày của bà B và bị đơn cũng thừa nhận chỉ mua cám nuôi vịt của ông Thái Thượng T chứ không biết bà B là ai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Nguyên đơn hành nghề mua bán thức ăn chăn nuôi gia cầm. Từ tháng 8/2017 nguyên đơn có bán thức ăn nuôi vịt cho bị đơn là ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị X. Theo thoả thuận thì nguyên đơn bán nợ cám nuôi vịt, tiền nợ bị đơn sẽ trả cho nguyên đơn vào cuối vụ thu hoạch vịt. Sau đó, do làm ăn thua lỗ nên bị đơn không mua thức ăn nuôi vịt nữa và cũng không chịu trả tiền cho nguyên đơn theo như thoả thuận trong giấy hẹn trả nợ (bản chính) có ghi rõ ngày, tháng, năm ông M, bà X đã ký và chốt số tiền nợ 933.686.000đ đến ngày 05/3/2025 sẽ trả nợ. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền mua cám nuôi vịt nhưng bị đơn vẫn không thực hiện. Nay Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ là 933.686.000đ, không yêu cầu tính lãi.

[2.2] Bị đơn ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị X thừa nhận, có mua thức ăn chăn nuôi vịt với nguyên đơn từ năm 2017. Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ nên chưa có tiền trả nợ số tiền mua cám thức ăn cho vịt với số tiền là 933.686.000đ theo giấy hẹn trả nợ (bản chính) có ghi rõ ngày, tháng, năm ông M, bà X đã ký và hứa sẽ trả hết số tiền nợ 933.686.000đ đến ngày 05/3/2025. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình hiện tại khó khăn nên các bị đơn chỉ đồng ý trả dần số nợ mỗi tháng 3.000.000 đồng cho nguyên đơn.

[3] Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của các đương sự và giấy hẹn trả nợ (bản chính) có ghi rõ ngày, tháng, năm mà ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị X đã ký sẽ trả hết số tiền nợ 933.686.000đ đến ngày 05/3/2025 cho ông Thái Thượng T. Như vậy, xác định việc các bị đơn ông M, bà X có hợp đồng mua bán thức ăn gia cầm được thể hiện bằng miệng, không lập hợp đồng mua bán, nhưng có thoả thuận với nhau sẽ trả tiền mua thức ăn cho nguyên đơn vào cuối vụ khi thu hoạch vịt. Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ, bị đơn không nuôi gia cầm nữa nên không mua thức ăn gia cầm đối với nguyên đơn và các bị đơn đã lập một giấy hẹn trả nợ cho nguyên đơn là 933.686.000đ đến ngày 05/3/2025. Đến hạn trả nợ số tiền mua cám gia cầm bị đơn không chịu trả cho nguyên đơn. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị X phải trả một lần số tiền còn nợ là 933.686.000đ, không tính tiền lãi. Các bị đơn đều thừa nhận có nợ số tiền như nguyên đơn yêu cầu nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho nguyên đơn và hứa khi nào bán được nhà cửa, đất đai sẽ trả hết số nợ trên. Như vậy, các bên đã tự nguyện lập giấy hẹn trả nợ số tiền cho nguyên đơn là 933.686.000đ vào ngày

05/3/2025 nên phát sinh hiệu lực. Tuy nhiên, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ, dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ. Nay nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả toàn bộ khoản nợ tiền mua thức ăn gia cầm là 933.686.000đ, là hoàn toàn có căn cứ phù hợp quy định tại các Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự 2015 nên chấp nhận. Đối với số tiền lãi nguyên đơn không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bị đơn ông Trần Văn M có đơn xin miễn án phí và thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- + Căn cứ: Các Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- + Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- + Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1 Chấp nhận Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thái Thượng T. Buộc bị đơn ông Trần Văn M bà Nguyễn Thị X phải thanh toán tiền mua bán còn nợ cho nguyên đơn ông Thái Thượng T với số tiền là 933.686.000 đồng (*Chín trăm ba mươi ba triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn đồng*).

2. *Quy định: Kể từ ngày người yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải trả hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.*

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

- Ông Trần Văn M được miễn án phí dân sự sơ thẩm; Bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí 20.005.290 đồng (hai mươi triệu không trăm lẻ năm nghìn hai trăm chín mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho ông Thái Thượng T số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số ký hiệu BLTU/25E số 0000035 ngày 16 tháng 7 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Thái Thượng T và bị đơn ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị X có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ